TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 37/2019/QĐST-VDS	*D, ngày 30 tháng 7 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ THÀNH NGOÀI TÒA ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH B

Thành phần giải quyết việc dân sư gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Hoàng.

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Ngọc Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh B tham gia phiên họp: Ông Trương Quốc Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh B mở phiên họp xét công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án hồ sơ thụ lý số 52/2019/TLST-VDS ngày 24 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định mở phiên họp số 46/2019/QĐST-VDS ngày 26 tháng 7 năm 2019.

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Bà Huỳnh Ngọc Tr, sinh năm 1964; hộ khẩu thường trú: Khu phố 3, thị trấn D, huyện D, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp của người yêu cầu: Ông Lý Đức Th, sinh năm 1968; địa chỉ: Tổ 21, ấp L, xã L1, huyện B1, tỉnh B theo giấy ủy quyền ngày 24/6/2019. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Phạm Thị Hồng Th1, sinh năm 1983; địa chỉ: Ấp R, xã Đ, huyện Dầ, tỉnh B. Có mặt.

2. Bà Trần Thị T, sinh năm 1970; địa chỉ: Ấp R, xã Đ, huyện D, tỉnh B. Có mặt.

3. Bà Nguyễn Thị Th2, sinh năm 1980; hộ khẩu thường trú: Khu phố 4B, thị trấn D, huyện D, tỉnh B. Có mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu và tại phiên họp người đại diện hợp pháp của người yêu cầu trình bày:

Ngày 23/9/2018, bà Nguyễn Thị Th2 có dẫn bà Th1 và bà T đến nhà bà Tr để mượn tiền. Do bà Trúc không quen biết bà Th1 và bà Tuyết nên bà Th2 nói

sẽ có trách nhiệm trong việc mượn tiền. Vì tin tưởng bà Th2 nên bà Tr cho bà Th1 và bà T mượn số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), thời hạn thanh toán là ngày 23/11/2018 sẽ trả cả gốc lẫn lãi suất theo thỏa thuận. Việc mượn tiền có làm giấy nợ, bà Th1 và bà T ký tên xác nhận nợ, bà Th2 cam kết chịu trách nhiệm. Để làm tin, bà T co giao cho bà Tr giữ một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 735603 do bà Trần Thị T đứng tên sử dụng, sau đó bà Th2 mượn lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên đưa cho bà T làm thủ tục sang tên cho bà Th1, sang tên cho bà Th1 xong sẽ giao lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Th1 cho bà Trúc cất giữ. Nhưng ngày 31/12/2018, bà Th1 đã được sang tên quyền sử dụng đất trên mà không giao lại cho bà Tr cất giữ mà đưa đi thế chấp cho người khác cho đến nay. Bà Tr đã nhiều lần yêu cầu bà Th1, bà T và bà Th2 có trách nhiệm thanh toán hết số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) nhưng cho đến nay bà Th1, bà T và bà Th2 không thanh toán.

Vì vậy, bà Tr làm đơn khởi kiện yêu cầu bà Th1, bà T và bà Th2 có trách nhiệm liên đới thanh toán số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Quá trình hòa giải tại Trung tâm hòa giải - đối thoại tại Tòa án, các bên đã tự nguyện thỏa thuận và kết quả là hòa giải thành, theo biên bản hòa giải thành ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Trung tâm hòa giải - đối thoại tại Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Về nghĩa vụ thanh toán: Bà Phạm Thị Hồng Th1 và bà Trần Thị T có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Huỳnh Ngọc Tr số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Ghi nhận sự tự nguyện của bà Huỳnh Ngọc Tr về việc không yêu cầu bà Nguyễn Thị Th2 có trách nhiệm liên đới thanh toán số tiền trên.

Kể từ ngày bà Huỳnh Ngọc Tr có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Phạm Thị Hồng Th1 và bà Trần Thị T không thanh toán số tiền trên thì hàng tháng bà Phạm Thị Hồng Th1 và bà Trần Thị T còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về lệ phí: Bà Huỳnh Ngọc Tr tự nguyện chịu toàn bộ tiền lệ phí việc dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 26/7/2019 và tại phiên họp, bà Phạm Thị Hồng Th1 và bà Trần Thị T trình bày: Thống nhất với nội dung mà người yêu cầu đã trình bày và đồng ý trước yêu cầu về việc công nhận nội dung hòa giải thành ngày 11/7/2019 tại Trung tâm hòa giải - đối thoại tại Tòa án.

Phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh B về việc giải quyết vụ việc:

- Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết việc dân sự kể từ khi thụ lý cho đến khi mở phiên họp hôm nay; người yêu cầu; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã

chấp hành và thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật kể từ khi thụ lý cho đến khi mở phiên họp.

- Về nội dung: Các bên đều thống nhất về thời gian vay, số tiền vay và thời hạn thanh toán. Xét thấy thỏa thuận trong biên bản hòa giải thành ngày 11/7/2019 tại Trung tâm hòa giải - đối thoại tại Tòa án là tự nguyện. Nội dung thỏa thuận không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Vì vậy đề nghị chấp nhận yêu cầu của người yêu cầu, công nhận kết quả hòa giải thành của các bên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Căn cứ vào khoản 7 Điều 27; điểm a khoản 2 Điều 35; điểm s khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, yêu cầu của người yêu cầu thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh B.

[2] Về nội dụng: Quá trình giải quyết tại Trung tâm hòa giải - đối thoại tại Tòa án các bên thống nhất về việc vay tiền, số tiền vay chưa thanh toán và đề nghị Tòa án công nhận nội dung mà các bên đã hòa giải thành ngày 11/7/2019. Xét thấy, nội dung các bên thỏa thuận trong biên bản hòa giải thành là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Vì vậy, yêu cầu của người yêu cầu và đề nghị của đại viện Viện kiểm sát về việc công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án là có cơ sở chấp nhận.

Căn cứ Điều 463; 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 7 Điều 27; điểm a khoản 2 Điều 35; điểm s khoản 2 Điều 39; Điều 367; 369; 370; 416; 417 và 419 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án thụ lý số 52/2019/TLST-VDS ngày 24 tháng 7 năm 2019, cụ thể như sau:

Bà Phạm Thị Hồng Th1 và bà Trần Thị T có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Huỳnh Ngọc Tr số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Ghi nhận sự tự nguyện của bà Huỳnh Ngọc Tr về việc không yêu cầu bà Nguyễn Thị Th2 có trách nhiệm liên đới thanh toán số tiền trên.

Kể từ ngày bà Huỳnh Ngọc Tr có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Phạm Thị Hồng Th1 và bà Trần Thị T không thanh toán số tiền trên thì hàng tháng bà Phạm Thị Hồng Th1 và bà Trần Thị T còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất

quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Điều 2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà Huỳnh Ngọc Tr tự nguyện chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu số: AA/2016/0031738 ngày 11 tháng 7 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh B.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành ngay, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Điều 4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự, VT.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Thị Hoàng